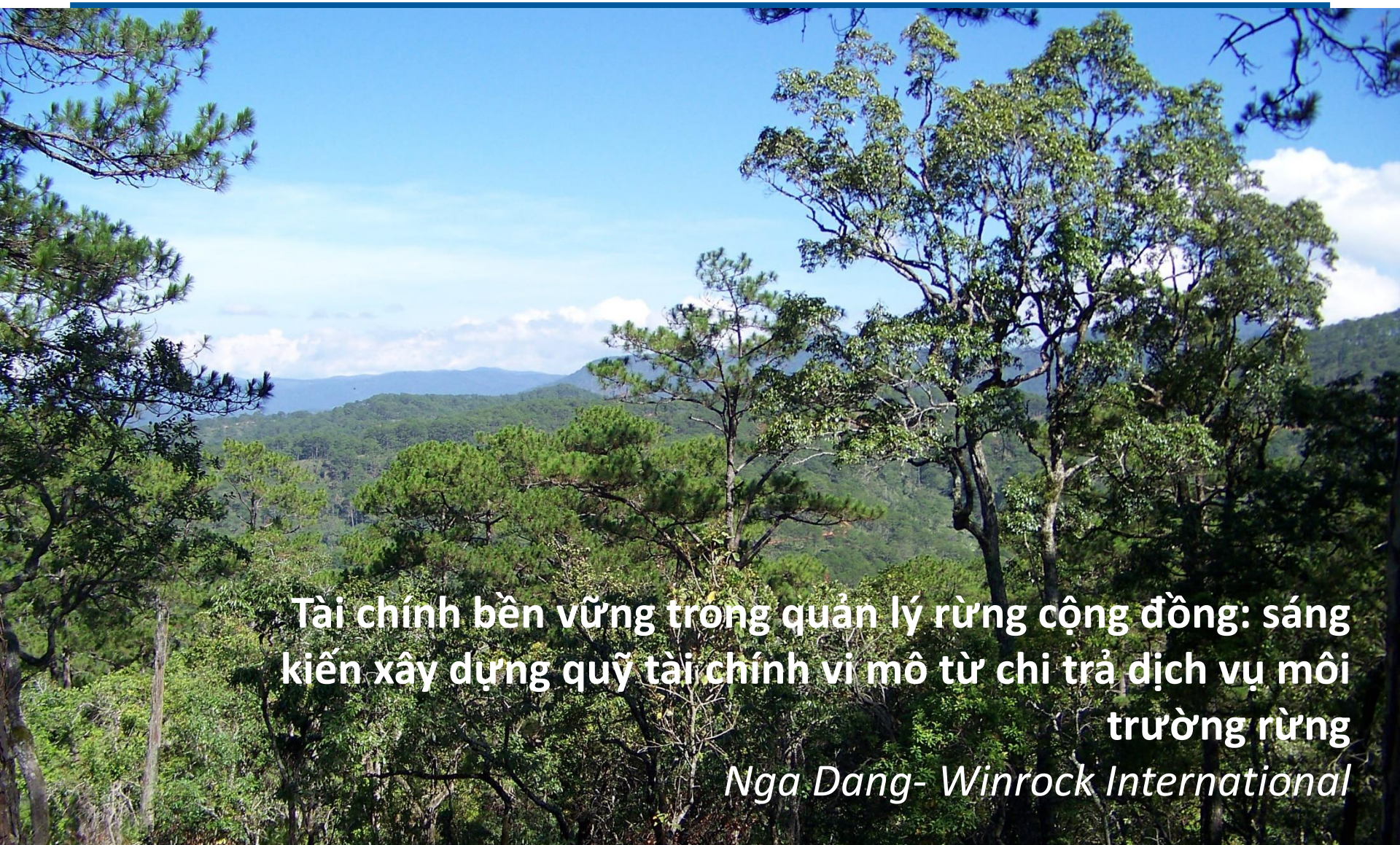

Tài chính bền vững trong quản lý rừng cộng đồng: sáng kiến xây dựng quỹ tài chính vi mô từ chi trả dịch vụ môi trường rừng

Nga Dang- Winrock International

Thực trạng sử dụng tiền DVMTR

- Hiệu quả sử dụng tiền DVMTR chưa cao
- Tiền chi trả là rất ít (100ng-250ng/hộ/năm nếu chia đều)
- Chủ yếu sử dụng cho công trình phúc lợi công -> thiếu kinh phí để thực hiện các hoạt động QL & BVR chung của cộng đồng
- Chưa chú trọng đầu tư tái sản xuất
- Việc ghi chép thông tin về tiền DVMTR còn manh mún
- Chưa phát huy cao tính liên kết và sức mạnh của cộng đồng trong công tác QL&BVR

Mục tiêu

- Theo dõi việc sử dụng tiền DVMTR tại thôn

- Khuyến khích tái đầu tư nguồn tiền CTDVMTR cho bảo vệ rừng,
- Cải thiện sinh kế để đảm bảo nguồn tiền này là nguồn tài chính bền vững để có thể cải thiện được sinh kế và mức sống cho người dân

- Giúp xây dựng và hướng dẫn vận hành quy chế thôn bản về sử dụng tiền CTDVMTR
- Tăng cường kỹ năng lập lịch và giám sát việc tuần tra bảo vệ rừng.

Địa điểm

- Quyết định làm thí điểm: 5 thôn
  - Thôn Chiềng, Phống, Hón- Bát Mọt
  - Thôn Khoong, thôn Lửa- Yên Nhân

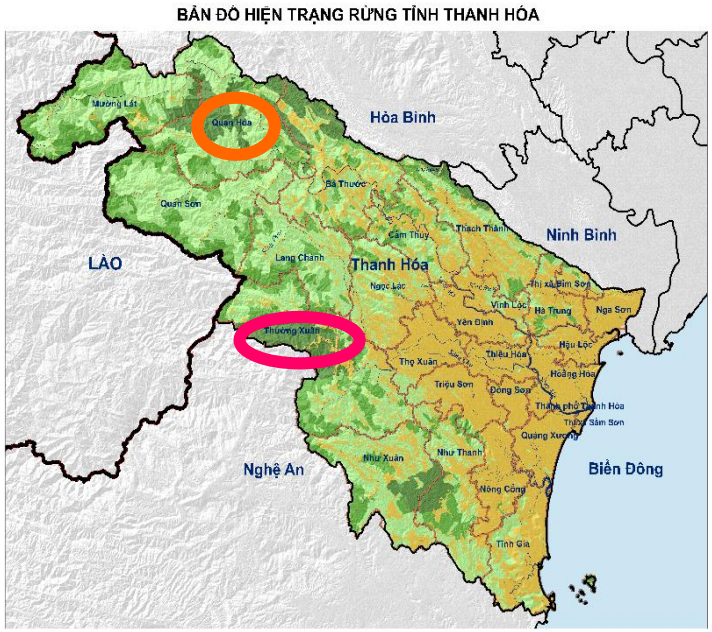

Tình hình quản lý sử dụng tiền DVMTR trước khi có quy chế

Thôn	Tổng số hộ	Nguồn tiền DVMTR	Sử dụng tiền DVMTR	Thu nhập chính của dân trong thôn
Chiềng- Bát Mọt	175	Rừng cộng đồng(75 triệu- 2015) Rừng đã giao cho hộ gia đình (175tr -2015)	50tr **trả công BVR** 25tr **nhà văn hóa** tiền 2016 &2017 dùng xây nhà văn hóa (500tr)	làm nông hỗ trợ từ chính phủ cho hộ nghèo Trồng lúa, khai thác lâm sản phụ 85% hộ vay vốn từ NHCS -> khó có khả năng vay vốn khác
Phống- Bát Mọt	114	Rừng cộng đồng (104tr-2015) Rừng đã giao cho hộ gia đình (46tr -2015)	104tr Nhà văn hóa Trả công BVR	Nông nghiệp, lâm sản phụ 95% số hộ vay vốn NHCS Chưa có quy chế QLSD tiền DVMTR
Hón- Bát Mọt	33	Rừng cộng đồng (45-2015)	30tr **làm đường bê tông** 15tr **chia cho các hộ**	100% hộ vay vốn NHCS Chưa có quy chế QLSD tiền DVMTR
Khoong- Yên Nhân	206	Rừng cộng đồng (102tr-2015) Rừng cộng đồng 60tr từ Kiểm lâm Rừng giao khoán: 40tr	35tr **làm kênh mương**	Chưa có quy chế QLSD tiền DVMTR

Sự sẵn lòng của các thôn

- Người dân cần có nguồn vốn để đầu tư vào sản xuất và chăn nuôi quy mô hộ gia đình, mức vốn dao động trên dưới 5 triệu đồng
- Tiếp cận với nguồn vốn tại địa phương là không khả thi do còn dư nợ vốn vay của NHCSXH,
- Người dân không đủ điều kiện thế chấp để có thể tiếp cận với ngân hàng thương mại.

- Chi hội phụ nữ thôn có mong muốn thực hiện mô hình
- Người dân có mong muốn thôn trích lại 20 -25% tiền DVMTR để làm vốn mồi
- 4/5 thôn đồng tình và cam kết sẽ trích lại từ 20 -25% tiền DVMTR mỗi năm cho hoạt động thử nghiệm này.
- Ban quản lý các thôn mong muốn xây dựng một quy chế và mở sổ sách để quản lý sử dụng tiền CTDVMTR

UBND xã phê duyệt quy chế

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và hoạt động của tổ quản lý bảo vệ rừng thôn Hón, xã Bát Mọt

Quy chế này được xây dựng dựa trên cuộc họp giữa Ban quản lý thôn Hón, đại diện các hộ dân, Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa, Hạt kiểm lâm huyện Thường Xuân, đại diện UBND xã Bát Mọt về việc quản lý, sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) hàng năm và hoạt động của tổ quản lý bảo vệ rừng (QLBVR), ngày 04 tháng 7 năm 2016.

Chương 1.

Quản lý, sử dụng tiền chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng hàng năm.

Điều 1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng hàng năm của thôn Hón nhận được từ diện tích đất nhận khoán từ Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên sẽ được sử dụng như sau:

1.1. Quy định chung

Tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2015 (nhận năm 2016) của toàn thôn sẽ ủy quyền cho ông Trưởng thôn nhận phần diện tích rừng cộng đồng; phần nhận khoán theo sổ đỏ thì các hộ sẽ nhận trực tiếp, sau đó các hộ dân nhóm họp quyết định phần bổ cho các Quỹ sau:

1.2. Quỹ tuần tra bảo vệ rừng:

Sẽ được phân bổ từ nguồn tiền chi trả trực tiếp cho các hộ dân thông qua sổ đỏ.

và chỉ đạo, 01 bản do UBND xã lưu giữ để giám sát, 01 bản sẽ do Dự án rừng và đồng bằng giữ để hỗ trợ Ban quản lý thôn thực hiện./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ BÁT MỌT	KIỂM LÂM ĐỊA BÀN	TM. BAN QUẢN LÝ THÔN HÓN
PHÓ CHỦ TỊCH		
Vi Thành Chung	Lô Văn Nam	Vi Thanh Tuấn

Bước 5 : Trình UBND xã phê duyệt quy chế

QUY CHẾ

Hoạt động của Quỹ tín dụng vi mô do Hội phụ nữ tự quản thôn Hón, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Quy chế này được xây dựng dựa trên cuộc họp ngày 04 tháng 7 năm 2016 giữa BQL thôn Hón, đại diện các hộ gia đình, đại diện Quỹ bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa, đại diện Hạt kiểm lâm huyện Thường Xuân và đại diện UBND xã Bát Mọt về việc quản lý, sử dụng nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) hàng năm và thành lập Quỹ tín dụng vi mô do Hội phụ nữ thôn quản lý. Tại hội nghị Ban quản lý thôn, chi hội phụ nữ và các hội viên thống nhất xây dựng quy chế hoạt động của Quỹ tín dụng vi mô thôn Hón (sau đây gọi tắt là Quỹ) với các điều khoản như sau:

Điều 1. Thành lập Ban quản lý (BQL) Quỹ tín dụng vi mô tại thôn Hón

BQL Quỹ được thành lập do Chi hội nữ thôn Hón bầu chọn có nhiệm kỳ là 1 năm, tính từ kỳ họp đầu tiên của Quỹ. Sau đó được bầu lại và các thành viên BQL có thể tái cử nhiệm kỳ tiếp theo.

Bầu BQL Quỹ theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc hình thức biểu quyết. Với hình thức bỏ phiếu kín thì mỗi vị trí bầu sẽ giới thiệu ít nhất hai (02) người và sẽ bầu chọn một (01) người có số phiếu cao hơn. Trường hợp bầu bằng hình thức biểu quyết thì người có số lượng biểu quyết cao hơn sẽ được lựa chọn. Tuy nhiên, số lượng người bầu chọn luôn phải đặt ít nhất 2/3 trong tổng số thành viên tham gia bầu chọn.

Điều 2. Nhiệm vụ của các thành viên trong Ban quản lý Quỹ như sau:

Mục 2.1. Trưởng BQL Quỹ vi mô thôn: Chị Vi Thị Soan

- Chuẩn bị các cuộc họp bao gồm nội dung và địa điểm họp;
- Đảm bảo các cuộc họp định kỳ tuân thủ theo trình tự và các nguyên tắc quy định tại mục 4.1 điều 4 bên dưới;
- Duy trì kỷ luật và xử phạt khi cần thiết;
- Kết thúc mỗi chu kỳ số tiền này có thể giữ lại để chuyển sang năm sau, hoặc có thể sử dụng để liên hoan nếu các thành viên đồng ý.

Điều 6. Quy định chung

Mục 6.1. Hàng năm khi kết thúc chu kỳ, Quỹ sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh lại các điều, mục trong bản quy chế này để đảm bảo phù hợp hơn với điều kiện thực tế, nhưng phải đảm bảo có ít nhất 2/3 số thành viên biểu quyết tán thành.

Mục 6.2. Quy chế này đã được thông qua thành viên trong Quỹ, và được lập thành 05 bản; 02 bản Quỹ lưu giữ để thực hiện; 01 bản lưu văn phòng UBND xã; 01 bản lưu Hội phụ nữ xã và 01 bản Dự án lưu giữ để theo dõi hỗ trợ./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ BÁT MỌT	CHỦ TỊCH HPN XÃ BÁT MỌT	TRƯỞNG QUỸ TÍN DỤNG VI MÔ
PHÓ CHỦ TỊCH	Lường Thị Chai	Soan Vi Thị Soan
Vi Thành Chung		

Nội dung quy chế
Quản lý sử dụng tiền DVMTR

Thôn	Quỹ tuần tra bảo vệ rừng	Quỹ sử dụng chung	Quỹ tín dụng vi mô do Hội phụ nữ tự quản	Ghi chú
Chiềng	20%	65%	15%	2016,2017- xây nhà văn hóa
Phống	30%	50%	20%	Diện tích khoán BV từ KBT Xuân Liên
Hón	Quyết định hàng năm.	Quyết định số tiền trích hàng năm.	Quyết định số tiền trích hàng năm.	Tiền cho Quỹ tiết kiệm từ tiền DVMTR rừng cộng đồng của thôn.
Lửa	Thống nhất hàng năm giữ lại phần đủ để chi cho BVR trong thôn.	Thôn sẽ tự quyết hàng năm	30tr/năm.	Thôn có tiền DVMTR cho phần đất giao, riêng nguồn tiền sử dụng tiền DVMTR từ rừng được khoán bảo về từ KBT Xuân Liên
Khong	25%	50%	25%	Sử dụng nguồn tiền sử dụng tiền DVMTR từ rừng được khoán bảo về từ KBT Xuân Liên

Quy định về quản lý và sử dụng tiền các quỹ tại thôn

- Việc chi tiêu cần phải có kế hoạch và người dân trong thôn phải được tham gia thảo luận và quyết định.
- Chi tiêu phải đúng kế hoạch, có chứng từ chứng minh các giao dịch tài chính, phải được ghi chép vào sổ theo dõi của Quỹ.
- Báo cáo công khai phải được tiến hành hàng năm (2 lần/năm) cho toàn dân biết

Tăng cường khả năng ghi chép

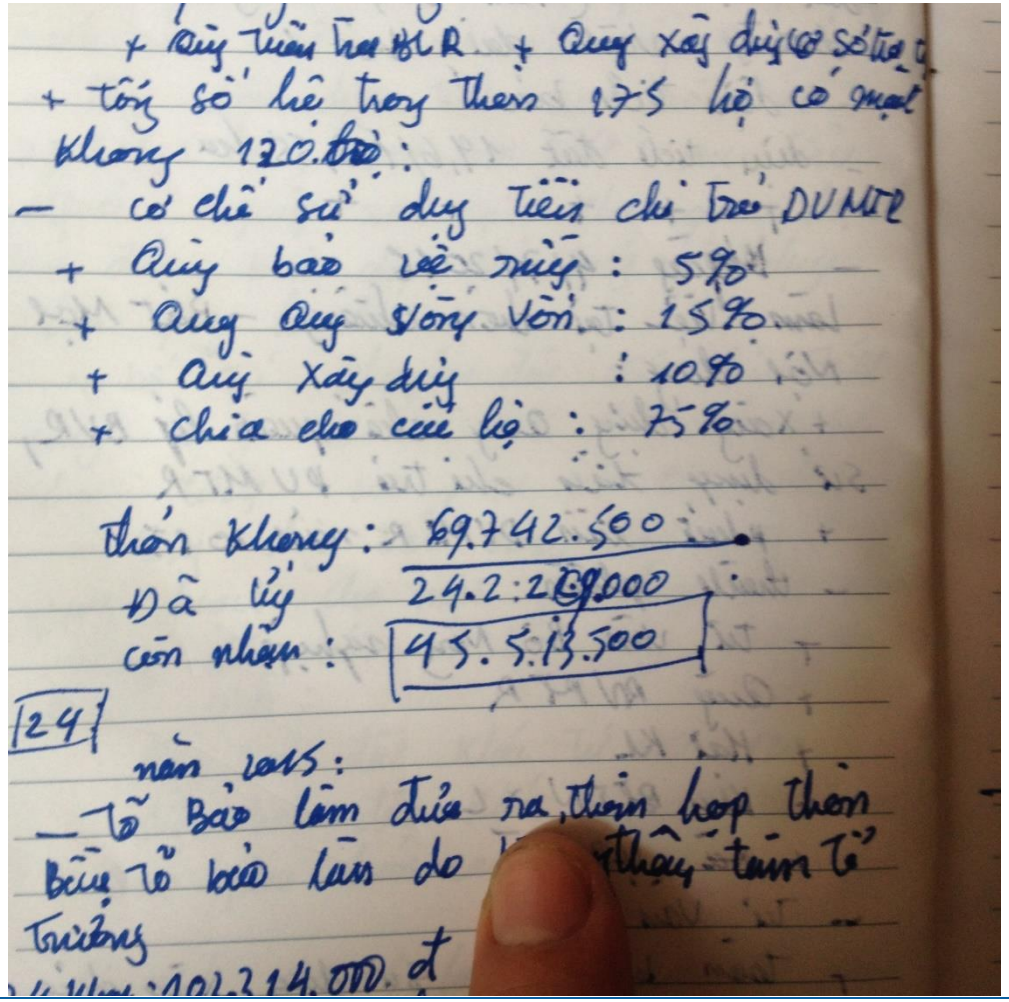

- Trước khi có quy chế

Tăng cường khả năng ghi chép

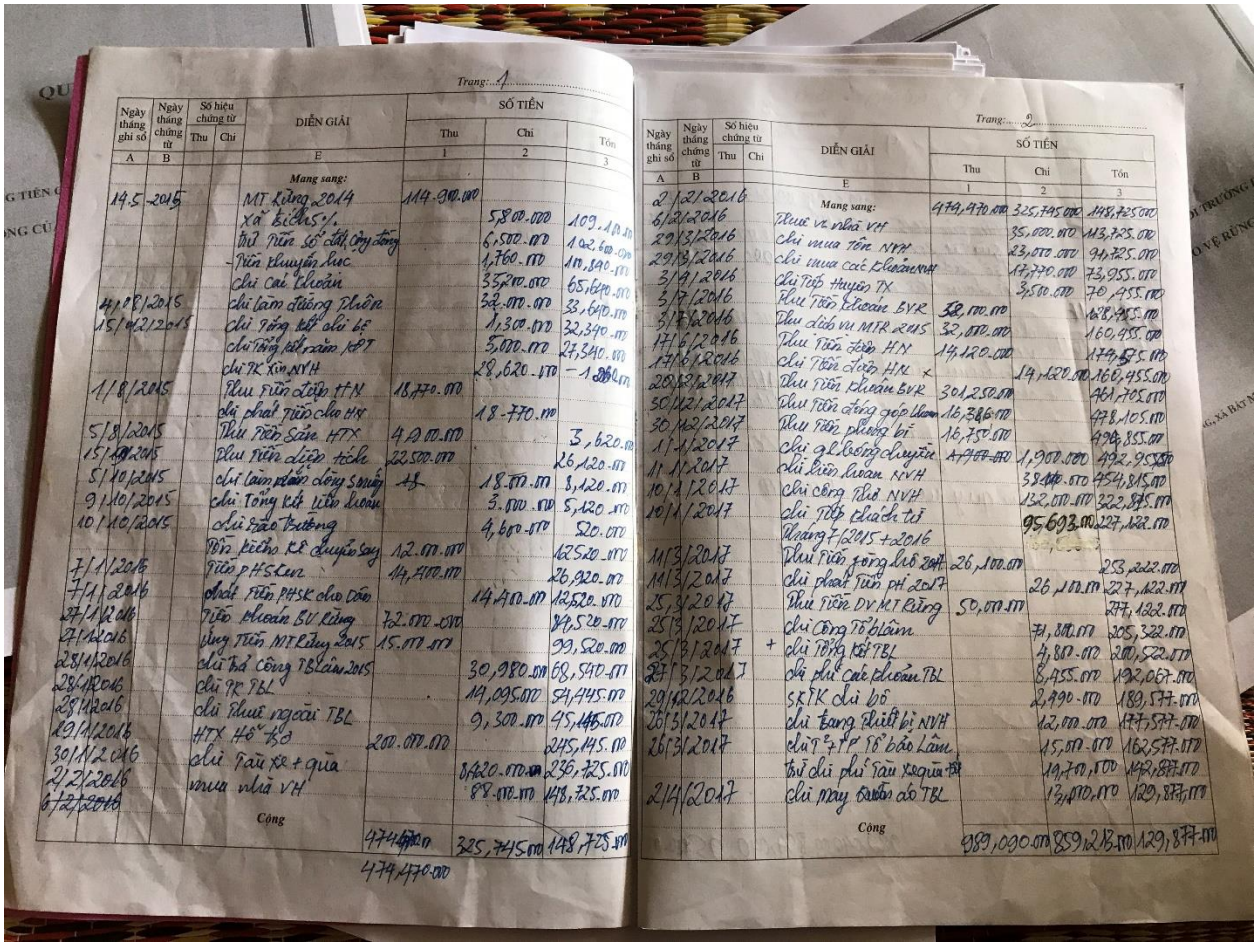

Sau khi có quy chế

Tăng cường khả năng ghi chép

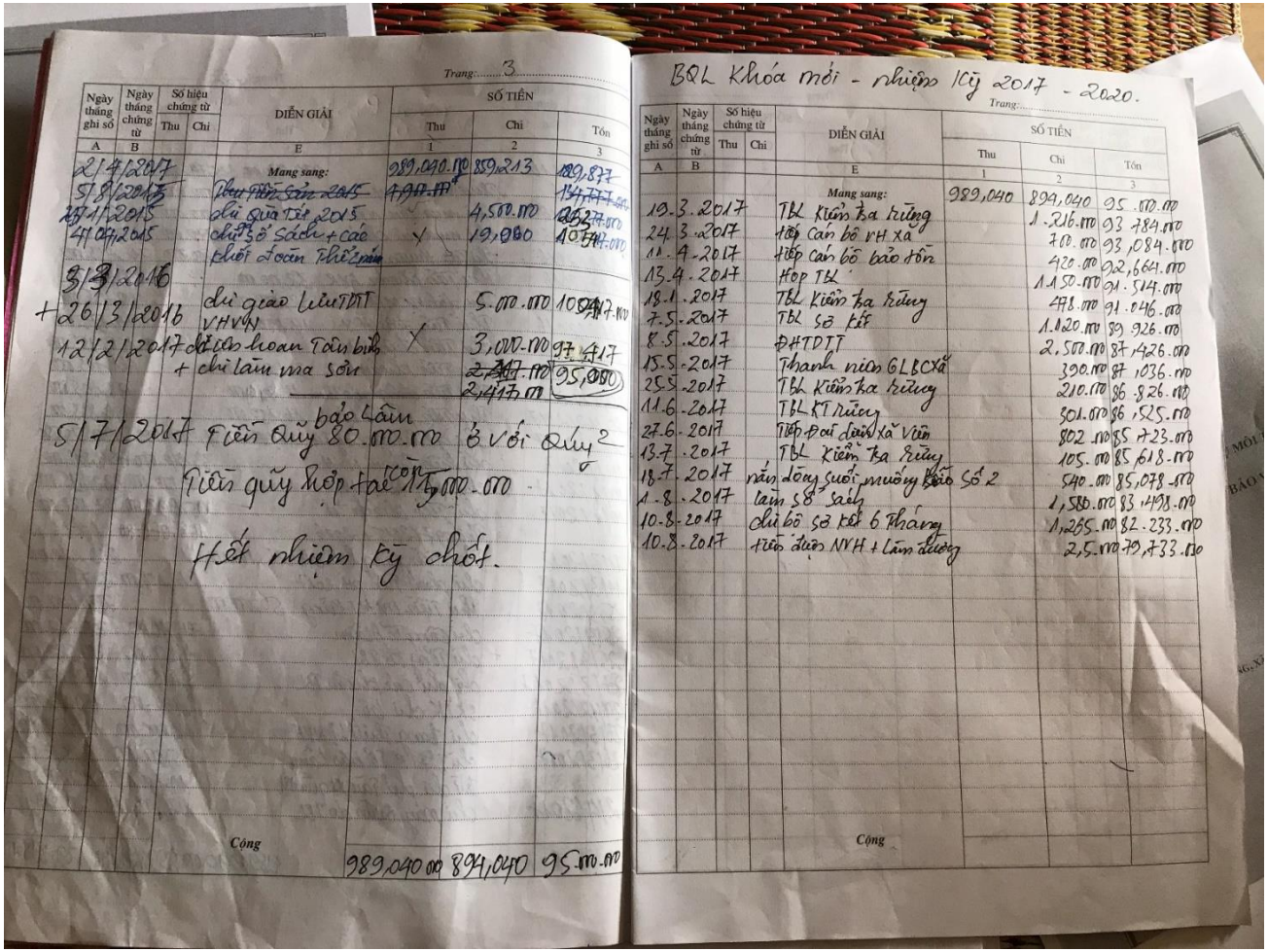

Trang: 3

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ Thu	Số hiệu chứng từ Chi	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN Thu	SỐ TIỀN Chi	SỐ TIỀN Tồn
A	B			E	1	2	3
21/4/2017				Mang sang:	989,040.000	859,213	129,827
5/8/2015				~~Thu tiền sổ 2015~~	~~4,917.000~~		~~134,777.000~~
25/1/2015				chi quà Tết 2015		4,500.000	~~129,277.000~~
4/07/2015				chi sổ sách + các khoản thể năm		19,060	~~107,217.000~~
3/3/2016							
+ 26/3/2016				chi giáo lưu TDTT VHVN		5.000.000	~~102,217.000~~
12/2/2017				chi tiền hoạn Tân bình + chi làm ma sổ		3,000.000	~~97,417~~
						~~2,417.000~~	95,000
						2,417.000	
5/7/2017				Tiền Quỹ bảo Lâm 80.000.000 ở với Quỹ 2			
				Tiền quỹ hợp tác còn 15,000.000			
				Hết nhiệm kỳ chốt.			
				Cộng	989,040.000	894,040	95.000.000

BQL Khóa mới - nhiệm kỳ 2017 - 2020.

Trang:

Ngày tháng ghi sổ	Ngày tháng chứng từ	Số hiệu chứng từ Thu	Số hiệu chứng từ Chi	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN Thu	SỐ TIỀN Chi	SỐ TIỀN Tồn
A	B			E	1	2	3
				Mang sang:	989,040	894,040	95.000.000
19-3-2017				TBL Kiểm tra rừng		1.226.000	93,784.000
24-3-2017				Họp cán bộ VH xã		700.000	93,084.000
11-4-2017				Họp cán bộ bảo tồn		420.000	92,664.000
13-4-2017				Họp TBL		1.150.000	91.514.000
18-1-2017				TBL Kiểm tra rừng		498.000	91.046.000
7-5-2017				TBL sơ kết		1.120.000	89.926.000
8-5-2017				ĐHTDTT		2.500.000	87,426.000
15-5-2017				Thanh niên GLBCXã		390.000	87,036.000
25-5-2017				TBL Kiểm tra rừng		210.000	86.826.000
11-6-2017				TBL KT rừng		301.000	86,525.000
27-6-2017				Tiếp đoàn huyện xã Viên		802.000	85,723.000
13-7-2017				TBL Kiểm tra rừng		105.000	85,618.000
18-7-2017				nấu dòng suối, muối, kẹo Số 2		540.000	85,078.000
1-8-2017				làm sổ sách		1,580.000	83,498.000
10-8-2017				chi bổ sổ kết 6 tháng		1,265.000	82.233.000
10-8-2017				tiếp đoàn NVH + làm đường		2,500	79,733.000
				Cộng			

Tăng cường khả năng ghi chép

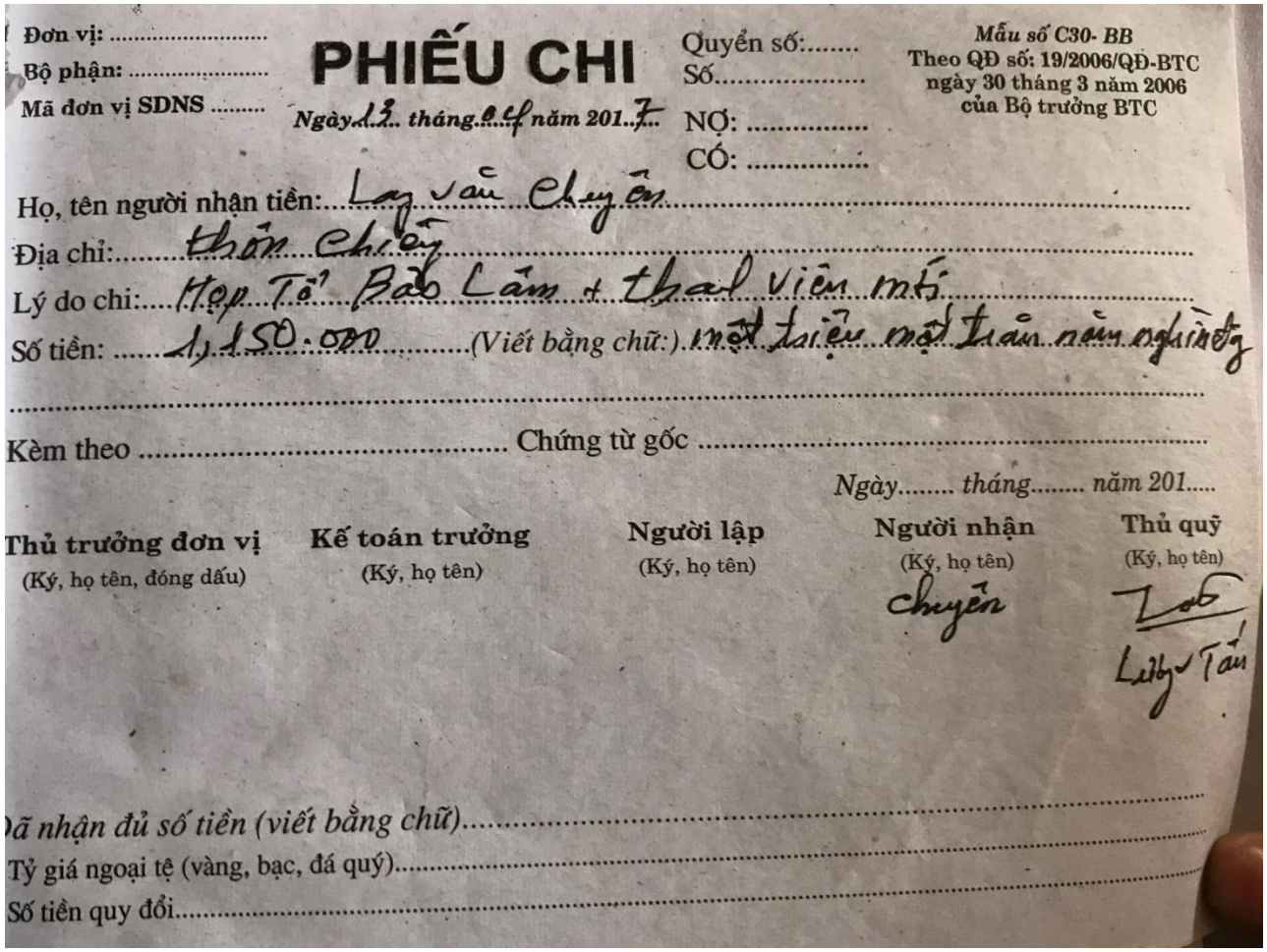

Đơn vị: .....
Bộ phận: .....
Mã đơn vị SDNS .....

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 04 năm 2017

Quyển số:.....
Số.....
NỢ: .....
CÓ: .....

Mẫu số C30- BB
Theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC
ngày 30 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nhận tiền: Lò Văn Chuyên
Địa chỉ: thôn Chiềng
Lý do chi: Họp Tổ Bảo Lâm + thay viên mới
Số tiền: 1.150.000 (Viết bằng chữ:) một triệu một trăm năm nghìn đồng

Kèm theo ..... Chứng từ gốc .....

Ngày..... tháng..... năm 201.....

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
			Chuyên	Lò Văn Tấn

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....
Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....
Số tiền quy đổi.....

Lập lịch tuần tra BVR

TT	Ngày /tháng	Tuyến kiểm tra (lô, khoảnh, tiểu khu và tên địa phương).	Ghi nhận trong thời gian kiểm tra.		Thành phần kiểm tra	Người theo dõi	Ghi chú
			Những phát hiện mới về động vật, thực vật....	Những phát hiện về xâm hại Tiểu khu			
	4/6/2017	KT 02					
		~~mặm~~ Khác HU			Vi thab Toản		1
					Lay văn Cảy		1
					Lùng văn Tân		1
	11/6/2017	Lán ông Quan T1			Tân + Khấu		2
		Suối phay Sai T2			Khiêm		2
					Chiến		2
					nguyên		2
					Hiếm		2
					Sơn		2
					Quý		2
	22/6	Suối phòng Sai					
		Lán ông Quan			Cường		1
					Khẩm		1
					Bằng		1
					Bình		1

Ngày tháng năm 201...

Xác nhận của kiểm lâm viên phụ trách Tiểu khu

Quỹ tuần tra bảo vệ rừng

- Ban quản lý thôn trực tiếp quản lý
- Việc chi tiêu quỹ này phải tuân thủ theo kế hoạch, có chấm công.
- Tiền công tuần tra bảo vệ rừng sẽ được trả theo các đợt chi trả tiền DVMTR
- Định mức hội họp: 50,000đ/cuộc

- Định mức cho tuần tra BVR là 150,000đ/ngày (200,000đ/ngày đêm)
- Công cho tổ trưởng và tổ phó là 3% trên tổng số tiền BVR trả cho các tổ viên.

Quỹ sử dụng cho phát triển cơ sở hạ tầng của thôn

- Ban quản lý thôn phải tiến hành cuộc họp thôn
- Lấy ý kiến của các hộ dân trong thôn về mục đích sử dụng quỹ này hàng năm, và **phải có biên bản họp thôn kèm theo**.
- Phải mở sổ theo dõi các chi phí liên
- Khi bàn giao công trình, nhận tài sản phải tổ chức các cuộc nghiệm thu chất lượng.

Kết quả thực hiện 1 năm

Hạng mục	Kết quả thực hiện
Phân bổ nguồn tiền DVMTR cho Quỹ tín dụng	4/5 (100%) Quy chế thôn Chiềng quy định trích lập từ năm 2018
Lập lịch tuần tra bảo vệ rừng	100%
Chấm công bảo vệ rừng	100%
Định mức trả công như quy định	5/5 thôn cao hơn Quy định
Bảng chấm công có xác nhận kiểm lâm	3/5 thôn (thôn Hón cán bộ kiểm lâm địa bàn mỏng ít khi đi cùng dân)
Sổ theo dõi tiền mặt	3/5 thôn (thôn Lửa, thôn Hón kế toán đi làm xa) làm tốt nhất thôn Chiềng, Phống.
Sử dụng phiếu thu/chi	3/5 thôn (vẫn còn thiếu 1 số chữ ký liên quan
Khả năng tiếp tục thực hiện năm 2	5/5 thôn
Sửa đổi Quy chế	1/5 thôn cần sửa Quy chế (thôn Lửa)

Thách thức và bài học kinh nghiệm

- Thói quen của BQL
- Sự đồng thuận bằng văn bản
- Hiểu nhầm về hỗ trợ cho tổ trưởng tổ phó
- Thay đổi nhân sự
- Thay đổi chính sách từ tỉnh
- Tính thực thi của Quy chế và vai trò của UBND xã (Tự thay đổi Quy chế)
- Hỗ trợ giám sát thời gian đầu để tạo thói quen cho BQL
- Phối hợp với Kiểm Lâm, KBT
- Nâng cao vai trò của cán bộ phụ nữ xã
- Phối hợp giữa BQL thôn và BQL Quỹ tiết kiệm thôn

Mô hình quỹ tài chính vi mô sử dụng tiền DVMTR

Sự cần thiết

Sử dụng hiệu quả nguồn tiền chi trả DVMR: Thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả của tiền DVMTR tại cộng đồng

Khuyến khích cơ chế tái đầu tư nguồn tiền DVMTR: Tạo ra cơ chế tái đầu tư nguồn tiền DVMTR trong cộng đồng thông qua tạo nguồn vốn

Thúc đẩy hoạt động sinh kế tại địa phương: Người dân có thêm nguồn tiền đầu tư hoạt động tăng thu nhập

Đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho cộng đồng: Tính bền vững thông qua cơ chế tích lũy tiết kiệm và tiền trích lập

Kết quả hoạt động năm 1 xã Yên Nhân- Dự án hỗ trợ

A	Chỉ tiêu/thôn	Khoong	Lửa	Tổng
I	XÂY DỰNG TỔ CHỨC			
1.1	Tổng số thành viên đầu kỳ	31	30	61
1 .2	Số thành viên ra Quỹ sau năm 1	13	2	15
1 .3	Số thành viên mới tham gia vào Quỹ năm 2	4	2	6
1 .4	Số thành viên hiện có đầu kỳ năm 2	22	30	52

Kết quả hoạt động năm 1 xã Yên Nhân- Dự án hỗ trợ

A	Chỉ tiêu/thôn	Khoong	Lửa	Tổng
II	QUỸ CHO VAY			
2 .1	Mênh giá cổ phần năm 1	20,000	20,000	**20,000**
2 .2	Số cổ phần thành viên đóng góp và DVMTR	6,113	4,875	**10,988**
2 .3	Tổng số tiền nhận được từ Quỹ DVMTR	59,000,000	31,000,000	**90,000,000**
2.3.1	Lần 1 năm 2016	11,000,000		**11,000,000**
2.3.2	Lần 2 năm 2017	48,000,000	31,000,000	**79,000,000**
2 .4	Tổng số tiền quỹ cho vay thu được cuối kỳ	130,271,000	103,528,000	**233,799,000**
2.5	Giá cổ phiếu cuối kỳ hoạt động năm 1	21,310	21,237	**21,300**
2.6	Lãi suất thu được trên 1 cổ phần	1,310	1,237	**1,250**

A	Chỉ tiêu/thôn	Khoong	Lửa	Tổng
II	QUỸ CHO VAY			
2.7	Số lượt thành viên vay vốn năm 1	59	38	**97**
2.8	Mức vốn vay bình quân	2,207,983	2,724,421	**2,500,000**
2.9	Tỷ lệ hoàn vốn	100	100%	**100%**
2 .10	Mệnh giá cổ phần áp dụng cho năm 2	50,000	40,000	**45,000**
2 .11	Số cổ phần thành viên đóng ngay đầu kỳ 2	627	475	**1,102**
2 .12	Số tiền DVMTR duy trì cho năm 2	61,000,000	31,500,000	**92,500,000**
2 .13	Tổng số tiền quỹ cho vay đầu kỳ	92,350,000	50,500,000	**142,850,000**
2 .14	Số thành viên vay vốn kỳ đầu năm 2	12	13	**25**
2 .15	Mức vốn vay trung bình	7,600,000	4,000,000	**5,500,000**
2.16	Số lần họp trên tháng và ngày họp năm 2	1	1	**1**

Kết quả hoạt động năm 1 xã Yên Nhân- Dự án hỗ trợ

A	Chỉ tiêu/thôn	Khoong	Lửa	Tổng
I II	QUỸ TƯƠNG TRỢ			
3.1	Mức đóng góp năm 1	2,000	2,000	2,000
3.2	Tổng số Quỹ tương trợ thu được năm 1	1,400,000	1,153,000	2,553,000
3.3	Mức đóng năm mới năm 2	5,000	5,000	5,000
3.4	Thu Quỹ tương trợ kỳ đầu	110,000	150,000	260,000

Kết quả hoạt động năm 1 xã Bát Mọt- Dự án hỗ trợ

A	Chỉ tiêu/thôn	Chiềng	Hón	Phống	Tổng
I	XÂY DỰNG TỔ CHỨC				
1.1	Tổng số thành viên đầu kỳ	30	25	30	85
1 .2	Số thành viên ra Quỹ sau năm 1	8	5	6	19
1 .3	Số thành viên mới tham gia vào Quỹ năm 2	1	3	1	5
1 .4	Số thành viên hiện có đầu kỳ năm 2	23	23	25	71

Kết quả hoạt động năm 1 xã Bát Mọt- Dự án hỗ trợ

A	Chỉ tiêu/thôn	Chiềng	Hón	Phống	Tổng
II	QUỸ CHO VAY				
2 .1	Mênh giá cổ phần năm 1	20,000	20,000	20,000	**20,000**
2 .2	Số cổ phần thành viên đóng góp và DVMTR	2,636	2,488	3,646	**8,770**
2 .3	Tổng số tiền nhận được từ Quỹ DVMTR	**-**	**6,800,000**	**10,600,000**	**17,400,000**
2.3.1	Lần 1 năm 2016	-	6,800,000	10,600,000	**17,400,000**
2.3.2	Lần 2 năm 2017	-	-	-	**-**
2 .4	Tổng số tiền quỹ cho vay thu được cuối kỳ	**54,498,000**	**53,320,000**	**76,755,000**	**184,573,000**
2.5	Giá cổ phiếu cuối kỳ hoạt động năm 1	20,675	21,431	21,052	**21,200**
2.6	Lãi suất thu được trên 1 cổ phần	675	1,431	1,052	**1,200**

A	Chỉ tiêu/thôn	Chiềng	Hón	Phống	Tổng
II	QUỸ CHO VAY				
2.7	Số lượt thành viên vay vốn năm 1	29	21	21	**71**
2.8	Mức vốn vay bình quân	1,879,241	2,539,048	3,655,000	**2,500,000**
2.9	Tỷ lệ hoàn vốn	100%	100%	100%	**100%**
2 .10	Mệnh giá cổ phần áp dụng cho năm 2	50,000	50,000	50,000	**50,000**
2 .11	Số cổ phần thành viên đóng ngay đầu kỳ 2	264	195	292	**751**
2 .12	Số tiền DVMTR duy trì cho năm 2	-	7,140,000	11,130,000	**18,270,000**
2 .13	Tổng số tiền quỹ cho vay đầu kỳ	13,200,000	16,890,000	25,730,000	**55,820,000**
2 .14	Số thành viên vay vốn kỳ đầu năm 2	2	5	3	**10**
2 .15	Mức vốn vay trung bình	6,600,000	3,500,000	5,000,000	**5,000,000**
2.16	Số lần họp trên tháng và ngày họp năm 2	1	1	1	**1**

Kết quả hoạt động năm 1 xã Bát Mọt- Dự án hỗ trợ

A	Chỉ tiêu/thôn	Chiềng	Hón	Phống	Tổng
I II	QUỸ TƯƠNG TRỢ				
3.1	Mức đóng góp năm 1	2,000	2,000	2,000	**2,000**
3.2	Tổng số Quỹ tương trợ thu được năm 1	1,583,000	1,200,000	1,275,000	**4,058,000**
3.3	Mức đóng năm mới năm 2	5,000	5,000	5,000	**5,000**
3.4	Thu Quỹ tương trợ kỳ đầu	110,000	115,000	125,000	**350,000**

Kết quả hoạt động năm 2- Tự vận hành

STT	Thôn	Tổng số thành viên	Thành viên góp		Tiền từ DVMTR		Tổng nguồn vốn trong năm (Đồng)	Giải ngân trong năm	
			Số cổ phần	Số tiền (Đồng)	Số cổ phần	Số tiền (Đồng)		Số món vay	Tổng số tiền (Đồng)
1	Khong	22	1,634	84,968,000	1,620	84,000,000	168,968,000	35	168,968,000
2	Lửa	30	2,138	107,969,000	1,188	59,768,750	167,890,000	50	167,890,000
3	Phống	23	1,108	58,167,000	412	21,296,000	79,463,000	27	79,463,000
4	Hón	23	1,803	37,863,000	365	7,917,000	45,780,000	16	45,780,000
5	Chiềng	23	593	32,630,000	200	10,000,000	42,630,000	10	42,630,000
	Tổng	121	7,276	321,597,000	3,785	182,981,750	504,731,000	138	504,731,000

USAID FROM THE AMERICAN PEOPLE

WINROCK INTERNATIONAL

So sánh hoạt động 2 năm

Tiêu chí	Năm 1	Năm 2
Tổng tiền DVMTR	107tr	180 TR
Tổng tiền huy động	311 tr	**321,597,000**
Số tiền tiết kiệm trung bình/thành viên	2.6tr	2.5 tr/ năm
Số lượt TV vay vốn	168	138
Sử dụng tiền vay	35% mua lợn, 21% mua vịt gà, ngan , 11% học phí, 7% vay và thêm tiền mua bò và trâu, còn lại mua chó, dê, trả công người trồng keo, trồng dong, mua máy thái chuối	SX nông nghiệp, chăn nuôi, sửa nhà, học phí, đi lại
Tổng số vốn vay từ quỹ	426,350,000	**504,731,000**
Mức VV trung bình	2,5tr	3.67 tr
Số người vay 10tr		19

Kết luận

- Quy chế giúp cho việc quản lý sử dụng tiền DVMTR được rõ ràng hơn
- Đảm bảo tiền DVMTR sẽ góp phần cải thiện sinh kế của người dân
- Nâng cao kỹ năng quản lý tiền cho BQL thông qua sổ sách ghi chép

- BQL cần có thêm thời gian để quen với Quy chế
- Bản thân thành viên BQL cần có ý thức trong việc họp thường xuyên với dân

- Cần có sự hỗ trợ từ UBND xã

Kết luận

- Với hđ của Quỹ còn thách thức thành viên đi làm ăn xa
- duy trì kỷ luật theo quy chế cứng nhắc
- Phân bố dân cư thưa thớt, địa hình hiểm trở sự thay đổi lãnh đạo địa phương và một số thôn lãnh đạo chưa hiểu hết giá trị của mô hình và thiếu nỗ lực trong việc thực hiện cam kết
- Hỗ trợ và nuôi dưỡng các quỹ TCVM từ HPN xã và chính quyền địa phương
- Ý nghĩa của việc trích lập hàng năm nguồn tiền từ chi trả DVMTR của Ban quản lý các thôn cho các quỹ TCVM

Xin cảm ơn sự lắng nghe của quý vị đại biểu!